TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 31 – 3 – 2025.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Thanh Long.

2. Ông Cao Chí Khá.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn U.

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Cẩm H.

Địa chỉ: Khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Toà án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Ông và bà Nguyễn Cẩm H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên ông và bà Nguyễn Cẩm H không chung sống với nhau nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 14/02/2010, con hiện đang sống chung với ông.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông Nguyễn Văn U yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn U yêu cầu không công nhận ông và bà Nguyễn Cẩm H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn U yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà Nguyễn Cẩm H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn U vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Cẩm H trình bày: Về việc bà và ông Nguyễn Văn U chung sống với nhau như vợ chồng, có 01 con chung, tài sản chung và nợ chung như ông Nguyễn Văn U trình bày là đúng. Nay bà đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn U, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Cẩm H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Cẩm H chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, thời gian chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện nay không còn sống chung với nhau như vợ chồng, nay ông Nguyễn Văn U yêu cầu không công nhận ông và bà Nguyễn Cẩm H là vợ chồng, bà Nguyễn Cẩm H cũng đồng ý theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn U, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Cẩm H là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 14/02/2010, đang sống chung với ông Nguyễn Văn U. Ông Nguyễn Văn U yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, bà Nguyễn Cẩm H cũng thừa nhận cháu Nguyễn Quốc A là con chung của bà và ông Nguyễn Văn U, nên Hội đồng xét xử công nhận cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 14/02/2010 là con chung của ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Cẩm H. Xét thấy con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 14/02/2010 hiện nay đã đủ 07 tuổi, đã sống chung với cha là ông Nguyễn Văn U từ trước đến nay, hiện nay nguyện vọng của cháu cũng muốn sống chung với cha là ông Nguyễn Văn U, trong quá trình Toà án giải quyết vụ án bà Nguyễn Cẩm H cũng đồng ý giao con chung cho ông Nguyễn Văn U được quyền nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 14/02/2010 cho ông Nguyễn Văn U được

quyền nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Cẩm H chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Văn U chưa có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung:* Các đương sự đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Về nợ chung:* Các đương sự đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn Văn U phải chịu.

[6] Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn U là nguyên đơn, bà Nguyễn Cẩm H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 53 và các Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Cẩm H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn U được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Quốc A (giới tính nam), sinh ngày 14/02/2010. Bà Nguyễn Cẩm H chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Văn U chưa có yêu cầu. Bà Nguyễn Cẩm H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc ông Nguyễn Văn U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn U đã nộp theo biên lai thu số 0001435 ngày 03/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND phường V, TP. Vị Thanh;
- UBND xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện